

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

Cho kỳ Kế toán Quý IV từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo tài chính riêng	03 - 34
Bảng cân đối kế toán	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	06 - 07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông: Vũ Trọng Long	Ủy viên
Ông: Phạm Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Ủy viên
Bà: Nguyễn Thị Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc
Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban
Bà: Phan Thị Thu Hương	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đỗ Hữu Hạ

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2017	01/04/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		662,288,128,592	365,321,460,701
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	305,525,150,603	154,445,677,790
111	1. Tiền		57,247,470,603	6,445,677,790
112	2. Các khoản tương đương tiền		248,277,680,000	148,000,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	39,200,000,000	83,175,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		39,200,000,000	83,175,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		79,998,502,068	20,967,246,999
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	75,190,498,472	16,550,773,012
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	3,754,494,228	3,522,318,389
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	1,053,509,368	894,155,598
140	IV. Hàng tồn kho	08	237,559,712,584	103,077,842,276
141	1. Hàng tồn kho		237,559,712,584	104,000,522,276
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(922,680,000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4,763,337	3,655,693,636
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	66,666,664
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1,763,337	3,585,963,972
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	3,000,000	3,063,000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3,306,739,993,094	1,023,160,413,525
220	II. Tài sản cố định		77,331,566,857	274,486,547,101
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	24,022,058,386	25,978,202,307
222	- Nguyên giá		51,857,156,877	51,189,974,205
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27,835,098,491)	(25,211,771,898)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	53,309,508,471	248,508,344,794
228	- Nguyên giá		56,329,385,890	251,329,385,890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3,019,877,419)	(2,821,041,096)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	257,116,614,196	13,881,675,555
231	- Nguyên giá		271,141,197,992	25,111,820,896
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14,024,583,796)	(11,230,145,341)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		658,147,271	28,392,190,869
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	658,147,271	28,392,190,869
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	2,971,460,551,970	706,400,000,000
251	1. Đầu tư vào công ty con		1,009,409,650,000	356,000,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1,962,050,901,970	350,400,000,000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		173,112,800	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		173,112,800	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3,969,028,121,686	1,388,481,874,226

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2017	01/04/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		32,948,389,598	109,413,621,868
310	I. Nợ ngắn hạn		32,185,612,352	109,413,621,868
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1,309,807,532	2,184,604,045
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	12,242,777,052	105,222,088,264
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	11,808,560,678	762,142,020
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4,586,993,544	-
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	2,099,877,483	1,107,191,476
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		137,596,063	137,596,063
330	II. Nợ dài hạn		762,777,246	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	762,777,246	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3,936,079,732,088	1,279,068,252,358
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	3,936,079,732,088	1,279,068,252,358
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3,629,940,140,000	1,200,000,000,000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		3,629,940,140,000	1,200,000,000,000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		306,139,592,088	79,068,252,358
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	76,056,382,692
421b	LNST chưa phân phối năm nay		306,139,592,088	3,011,869,666
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3,969,028,121,686	1,388,481,874,226

Người lập biểu



Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Đồng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế đầu năm đến cuối kỳ này	
			Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	356,702,219,122	122,126,199,651	1,281,933,021,798	718,857,370,476
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	909,090,909	22,727,273	3,409,090,910	22,727,273
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	355,793,128,213	122,103,472,378	1,278,523,930,888	718,834,643,203
11	4. Giá vốn hàng bán	24	275,409,137,035	118,300,979,213	1,004,778,907,377	636,653,679,156
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		80,383,991,178	3,802,493,165	273,745,023,511	82,180,964,047
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	2,490,759,071	1,883,431,194	350,739,224,452	23,457,769,707
22	7. Chi phí tài chính	26	35,236,219	11,279,910	129,202,029	3,197,082,678
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-	-	2,475,844,399
25	8. Chi phí bán hàng	27	1,298,899,343	392,703,909	4,040,511,182	1,182,345,009
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	1,356,531,932	1,746,861,952	8,488,426,552	10,609,793,230
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		80,184,082,755	3,535,078,588	611,826,108,200	90,649,512,837
31	11. Thu nhập khác	29	78,995,388	228,758,494	152,236,106	259,243,494
32	12. Chi phí khác		-	-	97,786,201	-
40	13. Lợi nhuận khác		78,995,388	228,758,494	54,449,905	259,243,494
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		80,263,078,143	3,763,837,082	611,880,558,105	90,908,756,331

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lấy kể đầu năm đến cuối kỳ này	
			Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016
			VND	VND	VND	VND
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	16,052,615,629	752,967,416	54,707,271,075	17,169,535,419
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		64,210,462,514	3,010,869,666	557,173,287,030	73,739,220,912

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2016	Từ 01/04/2015
			đến 31/03/2017	đến 31/03/2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		611,880,558,105	90,908,756,331
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(345,274,677,474)	(15,943,763,884)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5,616,601,371	3,798,655,960
03	- Các khoản dự phòng		(922,680,000)	922,680,000
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(119,311)	(1,829,857)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(349,896,238,816)	(23,139,114,386)
06	- Chi phí lãi vay		-	2,475,844,399
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(72,240,718)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		266,605,880,631	74,964,992,447
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(55,308,058,976)	(13,203,775,457)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(133,559,190,308)	(90,095,207,407)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(90,616,562,670)	92,417,430,365
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(106,446,136)	(40,147,922)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(2,475,844,399)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(45,142,934,219)	(16,993,022,965)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(107,527,300)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(58,234,838,978)	44,574,424,662
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(19,303,281,908)	(26,609,610,765)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	251,634,343
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(737,372,000,000)	(121,545,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		781,347,000,000	38,370,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2,265,060,551,970)	(328,400,000,000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		349,757,306,358	22,043,064,830
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1,890,631,527,520)	(415,889,911,592)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2016	Từ 01/04/2015
			đến 31/03/2017	đến 31/03/2016
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của sở hữu		2,099,945,720,000	110,102,650,000
33	2. Tiền thu từ đi vay		-	344,357,659,135
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		-	(344,357,659,135)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>2,099,945,720,000</i>	<i>110,102,650,000</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		151,079,353,502	(261,212,836,930)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		154,445,677,790	415,656,684,863
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		119,311	1,829,857
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>305,525,150,603</u>	<u>154,445,677,790</u>

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.629.940.140.000 đồng; tương đương 362.994.014 cổ phần, Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy;
- Bán ô tô, xe máy;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất ô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy;

- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

- Ngày 12/01/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã hoàn thành phát hành bổ sung 32.999.442 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức năm 2015 và số lượng cổ phiếu trên chính thức giao dịch trên Sàn Chứng khoán Hồ Chí Minh từ ngày 12/01/2017. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết đến thời điểm 31/03/2017 là 362.994.014 cổ phiếu.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại Hà Nội	Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
Địa điểm kinh doanh số 1	Km 9 Quốc lộ 5 mới, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất thùng xe tải

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.



2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2017	01/04/2016
	VND	VND
Tiền mặt	693,844,193	624,060,424
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	56,553,626,410	5,821,617,366
Các khoản tương đương tiền	248,277,680,000	148,000,000,000
	<u>305,525,150,603</u>	<u>154,445,677,790</u>

Tại ngày 31/03/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 08 ngày có giá trị 1.069.000,00 USD được gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất là 0,0%/năm. Các khoản tương đương tiền có kỳ hạn từ 07 ngày đến 03 tháng có giá trị 223.990.000.000 VNĐ được gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 1,00%/năm đến 6,3%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	39,200,000,000	39,200,000,000	83,175,000,000	83,175,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn	39,200,000,000	39,200,000,000	83,175,000,000	83,175,000,000
	39,200,000,000	39,200,000,000	83,175,000,000	83,175,000,000

Tại ngày 31/03/2017, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 39.200.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 6,2%/năm đến 6,3%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	1,009,409,650,000	-	356,000,000,000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	1,009,409,650,000	-	356,000,000,000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	1,962,050,901,970	-	350,400,000,000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	266,000,000,000	-	80,000,000,000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	134,400,000,000	-	134,400,000,000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	312,000,000,000	-	136,000,000,000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	252,000,000,000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	223,200,000,000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	774,450,901,970	-	-	-
	2,971,460,551,970	-	706,400,000,000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	99.997%	99.997%	Đầu tư bất động sản

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2017 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	47.50%	47.50%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Km 9 QL5 Nam Sơn, An Dương Hải Phòng	48.00%	48.00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Hải Phòng	48.00%	48.00%	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	Số 212 Tô Hiệu, Phường Trại Cau, Quận Lê Chân, Hải Phòng	45.00%	45.00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản, vận tải ..
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Số 324 Tô Hiệu, Phường Hồ Nam, Quận Lê Chân, Hải Phòng	46.50%	46.50%	Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác, bán phụ tùng ô tô, xe máy, bảo dưỡng xe ô tô và xe có động cơ khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Số 116, Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	36.58%	36.58%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2017	01/04/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	20,718,015,000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	3,761,000,000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	9,804,000,000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	14,097,000,000	2,580,000,000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	8,193,500,000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	5,554,000,000	-
- Công ty TNHH Thương mại Hồng Sơn Star	4,891,000,000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tân Ngọc Việt	-	4,200,000,000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	8,171,983,472	9,770,773,012
	75,190,498,472	16,550,773,012

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)

55,193,605,055	511,999,999
-----------------------	--------------------

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Giao Nhận Ngôi Sao Phương Đông	774,495,230	-	-	-
- Công ty Cổ phần Granddesign Việt Nam	-	-	1,007,276,325	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật và Thiết bị Tân Kỳ	-	-	408,618,098	-
- Các khoản trả trước người bán khác	2,979,998,998	-	2,106,423,966	-
	3,754,494,228	-	3,522,318,389	-

7. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về dự lãi tiền gửi	1,033,088,056	-	894,155,598	-
- Phải thu khác	20,421,312	-	-	-
	1,053,509,368	-	894,155,598	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	86,978,531,071	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	114,618,525	-	147,064,192	-
- Công cụ, dụng cụ	35,865,904	-	-	-
- Thành phẩm	31,835,592,595	-	73,043,881,760	-
- Hàng hóa	12,830,168,096	-	26,744,875,814	(922,680,000)
- Hàng gửi bán	105,764,936,393	-	4,064,700,510	-
	237,559,712,584	-	104,000,522,276	(922,680,000)

9. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG DÀI HẠN

	31/03/2017	01/04/2016
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	658,147,271	28,392,190,869
<i>Công trình Tòa nhà 183 Bà Triệu, Hà Nội</i>	-	28,392,190,869
<i>Công trình xây dựng Chung cư tại Lê Lợi - Hải Phòng</i>	658,147,271	-
	658,147,271	28,392,190,869

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	39,700,201,602	2,015,589,550	8,663,227,727	735,045,826	75,909,500	51,189,974,205
- Mua trong năm	436,363,636	-	-	158,578,318	-	594,941,954
- Tặng khác do được biếu tặng	-	-	-	72,240,718	-	72,240,718
- Phân loại lại	-	194,524,546	-	(194,524,546)	-	-
Số dư cuối năm	40,136,565,238	2,210,114,096	8,663,227,727	771,340,316	75,909,500	51,857,156,877
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	17,735,363,555	1,924,717,609	5,077,182,750	468,182,192	6,325,792	25,211,771,898
- Khấu hao trong năm	1,536,307,900	37,969,988	931,857,591	79,236,364	37,954,750	2,623,326,593
- Phân loại lại	-	194,524,546	-	(194,524,546)	-	-
Số dư cuối năm	19,271,671,455	2,157,212,143	6,009,040,341	352,894,010	44,280,542	27,835,098,491
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	21,964,838,047	90,871,941	3,586,044,977	266,863,634	69,583,708	25,978,202,307
Tại ngày cuối năm	20,864,893,783	52,901,953	2,654,187,386	418,446,306	31,628,958	24,022,058,386

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

12,694,239,879

VND

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	251,217,489,700	111,896,190	251,329,385,890
- Số giảm do chuyển mục đích sử dụng sang Bất động sản Đầu tư	(195,000,000,000)	-	(195,000,000,000)
Số dư cuối năm	56,217,489,700	111,896,190	56,329,385,890
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2,709,144,906	111,896,190	2,821,041,096
- Khấu hao trong năm	198,836,323	-	198,836,323
Số dư cuối năm	2,907,981,229	111,896,190	3,019,877,419
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	248,508,344,794	-	248,508,344,794
Tại ngày cuối năm	53,309,508,471	-	53,309,508,471
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		111,896,190	VND

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	25,111,820,896	25,111,820,896
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	51,029,377,096	51,029,377,096
- Tăng do chuyển từ TSCĐ Vô hình sang BĐS đầu tư (*)	195,000,000,000	-	195,000,000,000
Số dư cuối năm	195,000,000,000	76,141,197,992	271,141,197,992
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	11,230,145,341	11,230,145,341
- Khấu hao trong năm	-	2,794,438,455	2,794,438,455
Số dư cuối năm	-	14,024,583,796	14,024,583,796
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	13,881,675,555	13,881,675,555
Tại ngày cuối năm	195,000,000,000	62,116,614,196	257,116,614,196

(*) Bất động sản đầu tư tăng trong kỳ là:

- Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại số 183 Bà Triệu, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107035271-01, hồ sơ gốc số 6883.2003.QĐUB/17549.2003 do Sở Tài nguyên môi trường và nhà đất Hà Nội cấp ngày 14/12/2004, đăng ký sang tên nhận vốn góp tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh quận Hai Bà Trưng ngày 08/05/2015 (được hạch toán chuyển từ TSCĐ vô hình sang BĐS Đầu tư).
- Giá trị xây dựng Tòa nhà văn phòng tại Số 183 Bà Triệu, Thành phố Hà Nội tạm tăng theo quyết định bàn giao đưa vào sử dụng ngày 01/04/2016 dựa trên chi phí thực tế phát sinh và dự toán một số hạng mục đã hoàn thành, chờ quyết toán.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Xây dựng Lê Quân	348,537,620	348,537,620	148,537,620	148,537,620
- Công ty TNHH MTV Ô tô Trung Việt	287,169,094	287,169,094	287,169,094	287,169,094
- Công ty TNHH Thương mại và Chi nhánh Tàu thủy Anh Đức	240,223,500	240,223,500	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn Giám sát và Xây dựng La Thành Đô	-	-	545,537,545	545,537,545
- Phải trả các đối tượng khác	433,877,318	433,877,318	1,203,359,786	1,203,359,786
	1,309,807,532	1,309,807,532	2,184,604,045	2,184,604,045

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2017	01/04/2016
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	-	101,172,000,000
- Công ty TNHH Trường Vinh Hino	150,000,000	1,000,000,000
- Navistar, Inc	7,658,912,225	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phú Mẫn	1,400,000,000	755,000,000
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Bình Minh	400,000,000	-
- Công ty TNHH MTV Ô tô Hùng Anh	662,864,827	-
- Công ty TNHH TM Ô tô Hoàng Long	300,000,000	700,000,000
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	1,671,000,000	1,595,088,264
	12,242,777,052	105,222,088,264

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	63,000	-	117,209,008,558	115,732,303,829	-	1,476,641,729
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	48,730,481,563	48,730,481,563	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	752,967,416	54,707,271,075	45,142,934,219	-	10,317,304,272
- Thuế thu nhập cá nhân	-	9,174,604	770,674,002	765,233,929	-	14,614,677
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	804,308,010	804,308,010	-	-
- Các loại thuế khác	3,000,000	-	3,000,000	3,000,000	3,000,000	-
	3,063,000	762,142,020	222,224,743,208	211,178,261,550	3,000,000	11,808,560,678

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2017	01/04/2016
	VND	VND
- Trích trước chi phí đã thi công dự án Tòa nhà văn phòng cho thuê tại 183 Bà Triệu, Hà Nội	4,586,993,544	-
	4,586,993,544	-

17. PHẢI TRẢ KHÁC DÀI HẠN

	31/03/2017	01/04/2016
	VND	VND
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	762,777,246	-
	762,777,246	-

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/03/2017	01/04/2016
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản	2,099,877,483	1,107,191,476
	2,099,877,483	1,107,191,476

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1,089,897,350,000	5,329,031,446	1,095,226,381,446
Tăng vốn trong năm trước	110,102,650,000	-	110,102,650,000
Lãi trong năm trước	-	73,739,220,912	73,739,220,912
Số dư cuối năm trước	1,200,000,000,000	79,068,252,358	1,279,068,252,358
Số dư đầu năm nay	1,200,000,000,000	79,068,252,358	1,279,068,252,358
Tăng vốn trong năm nay	2,099,945,720,000	-	2,099,945,720,000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu ⁽¹⁾	329,994,420,000	-	329,994,420,000
Lãi trong năm nay	-	557,173,287,030	557,173,287,030
Phân phối lợi nhuận	-	(329,994,420,000)	(329,994,420,000)
Giảm khác	-	(107,527,300)	(107,527,300)
Số dư cuối năm nay	3,629,940,140,000	306,139,592,088	3,936,079,732,088

(1) Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 12/2016/NQ-HĐQT ngày 29/10/2016 Công ty công bố việc triển khai phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Vốn điều lệ tại thời điểm chốt quyền trả cổ tức		3,299,945,720,000
Chi trả cổ tức	10%	329,994,572,000
Số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức (Mệnh giá 10.000/ cổ phiếu)		32,999,457

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Ông Đỗ Hữu Hạ	1,510,836,250,000	41.62%	600,000,000,000	50.00%
Ông Đỗ Hữu Hậu	181,500,000,000	5.00%	60,000,000,000	5.00%
Cổ đông khác	1,937,603,890,000	53.38%	540,000,000,000	45.00%
	3,629,940,140,000	100%	1,200,000,000,000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 VND	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1,200,000,000,000	1,089,897,350,000
- Vốn góp tăng trong năm	2,429,940,140,000	110,102,650,000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	3,629,940,140,000	1,200,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	329,994,420,000	

d) Cổ phiếu

	31/03/2017	01/04/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120,000,000	120,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	362,994,014	120,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	362,994,014	120,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	362,994,014	120,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	362,994,014	120,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10,000	10,000

e) Cổ tức

	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 VND	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	329,994,420,000	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	329,994,420,000	-

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/03/2017	01/04/2016
- Đô la Mỹ	USD	1,618.68	1,506.59
- Euro	EUR	8.95	8.95

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	20,638,848,345	155,715,785,691
Doanh thu bán thành phẩm xưởng ô tô	33,983,909,091	79,351,454,545
Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện	1,212,054,727,101	474,023,386,863
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15,255,537,261	9,766,743,377
	1,281,933,021,798	718,857,370,476

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)

	968,189,112,452	472,237,960,466
--	-----------------	-----------------

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016
	VND	VND
- Chiết khấu thương mại	-	22,727,273
- Hàng bán bị trả lại	3,409,090,910	-
	3,409,090,910	22,727,273

23. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hóa	20,638,848,345	155,715,785,691
- Doanh thu bán thành phẩm xưởng ô tô	33,983,909,091	79,351,454,545
- Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện	1,208,645,636,191	474,000,659,590
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	15,255,537,261	9,766,743,377
	1,278,523,930,888	718,834,643,203

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	19,741,359,391	111,446,816,450
Giá vốn của thành phẩm xưởng ô tô đã bán	26,741,499,532	68,522,314,031
Giá vốn của Ô tô đầu kéo Mỹ đã bán và linh kiện thu hồi	950,588,737,506	453,290,733,486
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8,629,990,948	2,471,135,189
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(922,680,000)	922,680,000
	1,004,778,907,377	636,653,679,156

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9,764,184,885	7,910,355,892
Cổ tức, lợi nhuận được chia	340,132,053,931	15,000,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	842,866,325	539,728,437
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	119,311	7,685,378
	350,739,224,452	23,457,769,707

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	2,475,844,399
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	129,202,029	721,238,279
	129,202,029	3,197,082,678

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	138,875,000	-
Chi phí nhân công	1,250,034,519	716,765,700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,544,590,208	454,300,415
Chi phí khác bằng tiền	107,011,455	7,737,690
Chi phí dự phòng	-	3,541,204
	4,040,511,182	1,182,345,009

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91,558,524	-
Chi phí nhân công	1,940,899,496	1,845,806,416
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,282,596,687	3,594,423,100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,669,134,260	4,691,160,063
Chi phí khác bằng tiền	504,237,585	478,403,651
	8,488,426,552	10,609,793,230

29. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	228,758,494
Hàng được cho, biếu tặng	151,236,106	-
Thu nhập khác	1,000,000	30,485,000
	152,236,106	259,243,494

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	611,880,558,105	90,908,756,331
Các khoản điều chỉnh tăng	97,723,201	2,476,844,399
- Chi phí không hợp lệ	97,723,201	2,476,844,399
Các khoản điều chỉnh giảm	(340,132,053,931)	(15,000,000,000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(340,132,053,931)	(15,000,000,000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	271,846,227,375	78,385,600,730
Thu nhập chịu thuế TNDN từ 01/04/2015 đến 31/12/2015	-	74,620,763,648
Thu nhập chịu thuế TNDN từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	-	3,764,837,082
Thu nhập chịu thuế TNDN từ 01/04/2016 đến 31/03/2017	271,846,227,375	-
Thuế suất thuế TNDN (từ 01/04/2015 đến 31/12/2015 là 22%, từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 là 20%)	20%	22%
	54,369,245,475	17,169,535,419
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	338,025,600	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	752,967,416	576,454,962
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(45,142,934,219)	(16,993,022,965)
	10,317,304,272	752,967,416

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,017,706,895,682	631,189,025,998
Chi phí nhân công	6,494,818,426	7,019,612,391
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,616,601,371	3,798,655,960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,511,016,468	7,252,973,724
Chi phí khác bằng tiền	657,326,617	795,955,106
	1,036,986,658,564	650,056,223,179

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	305,525,150,603	-	154,445,677,790	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76,244,007,840	-	17,444,928,610	-
Các khoản cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	39,200,000,000	-	83,175,000,000	-
	420,969,158,443	-	255,065,606,400	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2017	01/04/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	2,072,584,778	2,184,604,045
Chi phí phải trả	4,586,993,544	-
	6,659,578,322	2,184,604,045

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	305,525,150,603	-	-	305,525,150,603
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76,244,007,840	-	-	76,244,007,840
Các khoản cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	39,200,000,000	-	-	39,200,000,000
	420,969,158,443	-	-	420,969,158,443
Tại ngày 01/04/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	154,445,677,790	-	-	154,445,677,790
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17,444,928,610	-	-	17,444,928,610
Các khoản cho vay	83,175,000,000	-	-	83,175,000,000
	255,065,606,400	-	-	255,065,606,400

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	1,309,807,532	762,777,246	-	2,072,584,778
Chi phí phải trả	4,586,993,544	-	-	4,586,993,544
	5,896,801,076	762,777,246	-	6,659,578,322
Tại ngày 01/04/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	2,184,604,045	-	-	2,184,604,045
	2,184,604,045	-	-	2,184,604,045

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2016	Từ 01/04/2015
		đến 31/03/2017	đến 31/03/2016
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		968,189,112,452	472,237,960,466
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	176,167,272,746	75,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	152,238,090,934	75,000,000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	59,853,021,486	2,362,330,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	70,345,454,542	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	66,036,818,178	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty liên kết của công ty con	304,944,545,476	376,133,181,864
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	32,894,818,181	76,888,357,697
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty có vốn đầu tư khác của công ty con	105,709,090,909	16,704,090,905
Cho vay			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	-	133,570,000,000
Lãi từ hoạt động cho vay			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	-	1,459,070,555
Cổ tức và lợi nhuận được chia			
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	319,990,400,000	15,000,000,000
Công ty cổ phần Đầu tư Hoàng Huy (HHS)	Công ty liên kết	40,195,733,600	-
Giá trị cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt trong giao dịch mua bán nội bộ			
Ông Đỗ Hữu Hậu	PTGD TCH và TV HĐQT kiêm TGĐ của Hưng	10.733.100.000 tương đương 798.000 cổ phiếu	-
Bà Đỗ Thị Huyền Trang	Vợ Thành viên HĐQT TCH	2.676.550.000 tương đương 199.000 cổ phiếu	-

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2016	Từ 01/04/2015
		đến 31/03/2017	đến 31/03/2016
		VND	VND
Giá trị cổ phiếu HHS trong giao dịch mua bán nội bộ			
Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch HĐQT TCH và HHS	439.297.672.000 tương đương 50.031.158 cổ phần	-
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên HĐQT TCH và HHS	42.494.700.000 tương đương 5.356.550 cổ phần	-
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên HĐQT TCH và HHS	9.505.642.500 tương đương 1.067.825 cổ phần	-
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên HĐQT HHS, Phó TGĐ TCH	172.435.862.000 tương đương 23.428.510 cổ phần	-
Bà Đỗ Thị Huyền Trang	Vợ Thành viên HĐQT TCH	33.768.479.600 tương đương 4.411.964 cổ phần	-
Bà Mai Trang	Nguyên thành viên HĐQT HHS	7.346.947.500 tương đương 825.275 cổ phần	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm

	Mối quan hệ	31/03/2017	01/04/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		55,193,605,055	511,999,999
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	20,718,015,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	9,804,000,000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	1,433,790,056	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	5,554,000,000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	8,193,500,000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	3,761,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	2,101,799,999	351,999,999
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty có vốn đầu tư khác của công ty con	3,627,500,000	160,000,000
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	-	101,172,000,000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/04/2016	Từ 01/04/2015	
	đến 31/03/2017	đến 31/03/2016	
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	536,980,000	371,889,925	

31. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN QUÝ IV NĂM 2016 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM NGOÀI

Quý IV năm 2016, Công ty đạt 64.210.462.514 đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 2.032% so với cùng kỳ năm ngoài. Nguyên nhân của biến động này là do trong kỳ, hoạt động phân phối xe tải đầu kéo Mỹ International của Công ty tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ, cụ thể doanh thu quý IV năm 2016 đạt 356.702.219.122 đồng so với 122.126.199.651 đồng cùng kỳ. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng hiệu quả hơn dẫn tới tốc độ tăng trưởng lợi nhuận lớn hơn so với tốc độ tăng trưởng doanh thu.

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

